

Số: *1527*/QĐ-UBND

Thành phố Lai Châu, ngày *26* tháng *8* năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**

**V/v Bồi thường, hỗ trợ dự án: Tuyến đường từ đường QL4D đến bản Tả  
Chải - Trung Chải, xã Sùng Phài, thành phố Lai Châu**

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LAI CHÂU**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;*

*Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;*

*Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;*

*Căn cứ Quyết định số 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu Về việc ban hành Quy định một số nội dung về trình tự thực hiện thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lai Châu;*

*Căn cứ Quyết định số 992/QĐ-UBND ngày 30/6/2022 của UBND thành phố Lai Châu về việc Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án: Tuyến đường từ đường QL4D đến bản Tả Chải - Trung Chải, xã Sùng Phài, thành phố Lai Châu;*

*Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Lai Châu tại Tờ trình số 633/TTr-TNMT ngày 15/8/2022.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Bồi thường, hỗ trợ đối với hộ gia đình ông: Phê A Khi - Cư trú tại bản Sùng Chô, xã Sùng Phài, thành phố Lai Châu, cụ thể như sau:

1. Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ Chủ đầu tư phải chi trả là: 137.931.255 đồng.

*(Bằng chữ: Một trăm ba mươi bảy triệu chín trăm ba mươi một nghìn hai trăm năm mươi năm nghìn đồng)*

*(Có bảng tổng hợp chi tiết kèm theo).*

2. Thời gian, địa điểm chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và thời gian bàn giao đất đã thu hồi:

11

THE UNIVERSITY OF CHICAGO

PHYSICS DEPARTMENT

PHYS 433

SPRING 2004

PROBLEM SET 1

DATE: \_\_\_\_\_

NAME: \_\_\_\_\_

SECTION: \_\_\_\_\_

INSTRUCTOR: \_\_\_\_\_

TA: \_\_\_\_\_

PROBLEM 1

1. A particle of mass  $m$  is moving in a potential  $V(x) = \frac{1}{2}kx^2$ . The energy of the particle is  $E$ . Find the period of oscillation.

Solution:

The potential energy is  $V(x) = \frac{1}{2}kx^2$ . The total energy is  $E = \frac{1}{2}mv^2 + \frac{1}{2}kx^2$ .

At the turning points,  $v = 0$ , so  $E = \frac{1}{2}kx^2$ . The turning points are  $x = \pm \sqrt{2E/k}$ .

The period of oscillation is  $T = \frac{1}{\omega} = \frac{2\pi}{\omega}$ .

For a harmonic oscillator,  $\omega = \sqrt{k/m}$ .

Therefore,  $T = 2\pi \sqrt{m/k}$ .

PROBLEM 2

2. A particle of mass  $m$  is moving in a potential  $V(x) = \frac{1}{2}kx^2 + \frac{1}{4}bx^4$ . The energy of the particle is  $E$ . Find the period of oscillation.

Solution:

The potential energy is  $V(x) = \frac{1}{2}kx^2 + \frac{1}{4}bx^4$ . The total energy is  $E = \frac{1}{2}mv^2 + \frac{1}{2}kx^2 + \frac{1}{4}bx^4$ .

At the turning points,  $v = 0$ , so  $E = \frac{1}{2}kx^2 + \frac{1}{4}bx^4$ .

The period of oscillation is  $T = \frac{1}{\omega} = \frac{2\pi}{\omega}$ .

For a harmonic oscillator,  $\omega = \sqrt{k/m}$ .

Therefore,  $T = 2\pi \sqrt{m/k}$ .

PROBLEM 3

3. A particle of mass  $m$  is moving in a potential  $V(x) = \frac{1}{2}kx^2 + \frac{1}{4}bx^4 + \frac{1}{6}cx^6$ . The energy of the particle is  $E$ . Find the period of oscillation.

Solution:

The potential energy is  $V(x) = \frac{1}{2}kx^2 + \frac{1}{4}bx^4 + \frac{1}{6}cx^6$ . The total energy is  $E = \frac{1}{2}mv^2 + \frac{1}{2}kx^2 + \frac{1}{4}bx^4 + \frac{1}{6}cx^6$ .

At the turning points,  $v = 0$ , so  $E = \frac{1}{2}kx^2 + \frac{1}{4}bx^4 + \frac{1}{6}cx^6$ .

The period of oscillation is  $T = \frac{1}{\omega} = \frac{2\pi}{\omega}$ .

For a harmonic oscillator,  $\omega = \sqrt{k/m}$ .

- Thời gian: Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày thực hiện xong việc niêm yết công khai Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ dự án.

- Địa điểm tại Trụ sở UBND phường Quyết Tiến.

- Thời gian bàn giao đất đã thu hồi: Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố chi trả xong tiền bồi thường, hỗ trợ thì hộ gia đình ông Phê A Khi có trách nhiệm bàn giao đất sạch cho Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng HĐND-UBND thành phố; Trưởng các phòng: Tài nguyên - Môi trường, Tài chính - Kế hoạch, Kinh tế, Quản lý đô thị; Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố; Chủ tịch UBND phường Quyết Tiến, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và hộ gia đình, cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

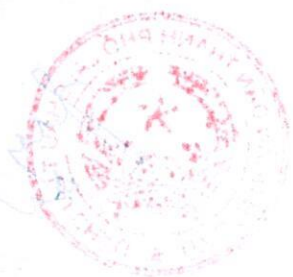
**Nơi nhận:**

- Như Điều 2;
- Chủ tịch UBND thành phố (b/c);
- Trang TTĐT thành phố;
- Lưu: VT, TNMT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Đỗ Văn Xiêng**



**BIỂU TỔNG HỢP KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ**

**Dự án: Tuyến đường từ đường QL4D đến bản Tả Chải - Trung Chải, xã Sùng Phài, TP. Lai Châu**  
(Kèm theo Quyết định số: 1527/QĐ-UBND ngày 26/8/2022 của UBND thành phố Lai Châu)

STT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (Đồng)
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>
<b>16</b>	<b>Họ và tên: Phê A Khi</b>				
	Địa chỉ thường trú: bản Sùng Chô - xã Sùng Phài				
	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ.				<b>137.931.255</b>
<b>a</b>	<b>Về đất</b>				<b>27.176.500</b>
1	Diện tích thu hồi	m <sup>2</sup>	734,5		
2	Loại đất:				
2,1	Đất trồng cây lâu năm	m <sup>2</sup>	734,5	37.000	<b>27.176.500</b>
	Vị trí: 1, khu vực 1,				
	Nguồn gốc: Nhận tặng cho đất của bố mẹ là ông Phê A Chảo và mẹ Mào Thị Cam từ năm 2000 (không có giấy tặng cho) đất của bố mẹ khai hoang sử dụng từ năm 1980 hiện sử dụng ổn định, không tranh chấp				
<b>b</b>	<b>Tài sản, vật kiến trúc, (Tài sản xây dựng năm 2000, xây dựng trước khi có Quy hoạch sử dụng đất, không bị lập biên bản vi phạm hành chính, xây dựng đúng mục đích và bồi thường hỗ trợ bằng 100% đơn giá theo QĐ 30/2017 ngày 14/8/2017, tài sản sử dụng ổn định không tranh chấp)</b>				<b>915.255</b>
1	Kè đá xếp khan (15*0,5*0,3)	m <sup>3</sup>	2,3	141.900	319.275
2	Kè đá xếp khan (12*0,5*0,7)	m <sup>3</sup>	4,2	141.900	595.980
<b>c</b>	<b>Về cây cối hoa màu</b>				<b>8.150.000</b>
1	Cây lấy gỗ D 10-25	Cây	5	42.000	210.000
2	Cây lấy gỗ D 5-10	Cây	8	30.000	240.000
3	Sản lượng chè tuyết san (năng suất 22 tấn/ha/năm x 2 năm x 200m <sup>2</sup> )	Kg	880,0	6.000	5.280.000
4	Sản lượng ngô (năng suất 5,5 tấn/ha/vụ x 440m <sup>2</sup> )	Kg	242,0	10.000	2.420.000
<b>d</b>	<b>Về chính sách hỗ trợ</b>				<b>101.689.500</b>
1	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm tại Điều 16 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu (hỗ trợ bằng 3.0 lần giá đất trồng cây lâu năm)	m <sup>2</sup>	734,5	111.000	81.529.500





STT	Tên các hạng mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (Đồng)
2	Hỗ trợ ổn định đời sống tỷ lệ mất đất nông nghiệp từ 30 đến 70% theo khoản 3, điều 19, nghị định 47 ngày 15/5/2014 và điều 15 Quyết định 16/2020/QĐ-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh Lai Châu (hỗ trợ 08 khẩu * 30 kg gạo * 6 tháng)	kg	1440,0	14.000	20.160.000



